

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 11/01/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		CLO+RC6	7:25	17+0	0+0		18+1	0+0	
2		BK8+TD1+P5+P3	9:25	1+16+0+0	0+0+0		1+16+0+0	0+0+0	CHUYEN 1 TD1 P5CHUYEN 2 p5-P3
3		RC5+RC3+BK3	11:25	4+6+3	0+0+0		0+3+16	0+0+0	CHUYEN 1 RC5 RC3

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/01/2025	TO: CLO - RC6	AIRCRAFT: 620	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: ĐTRUNG - VƯƠNG	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	ĐỖ TIỀN DUNG	CLO	96	1	6			59	D-HANH	Vietnamese
2	HOANG VAN HUNG	CLO	95	1	4			70	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN VAN TRUNG	CLO						81	KHOAN	Vietnamese
4	VU THE NANG	CLO	02	1	4			61	KHOAN	Vietnamese
5	NGO VAN BAC	CLO	99	1	5			80	KHOAN	Vietnamese
6	VU NGOC LUAN	CLO	10	1	3			83	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN TRONG NHAT	CLO	03	1	5			59	KHOAN	Vietnamese
8	BUI QUOC GIA	CLO	98	1	3			71	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN CHIEN THANG	CLO	600	1	2			66	KHOAN	Vietnamese
10	ĐỖ HUY BINH	CLO	11	1	4			76	KHOAN	Vietnamese
11	PHẠM NAM HAI	CLO	09	1	6			79	KHOAN	Vietnamese
12	PHAN QUANG HIEN	CLO	94	1	4			64	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN TRUNG KIEN	CLO	97	1	7			74	KHOAN	Vietnamese
14	VU HUU KE	CLO	06-08	3	14	1	17	85	KHOAN	Vietnamese
15	LÊ VĂN QUÂN	CLO	04-05	2	17			72	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN BA HUNG	CLO	01	1	8			80	DVL	Vietnamese
17	ĐỖ TRỌNG HIEN	CLO	92	1	3			69	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	CLO	17	1.229	19	95	1	17	18		
2	RC6	0	0	0	0	2	30	1		
TOTAL		17	1.229	19	95	3	47	19		
WEIGHT KG			1.229		95		47			

GRAND TOAL: 1.371 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/01/2025	TO: BK8 - TD1 - P5 - P3	AIRCRAFT: 620	ETD: 09:50
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: ĐTRUNG - VUÔNG	ETA: 11:40
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	PHAN QUANG VU	BK8	43	1	16			69	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN NHƯ BANG	TD1	18	1	4			57	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN DANH QUY	TD1						76	KHOAN	Vietnamese
4	ĐÌNH XUÂN HÒA	TD1	15	1	5			62	KHOAN	Vietnamese
5	HOANG VAN DUY	TD1	06	1	6			68	KHOAN	Vietnamese
6	LÊ VĂN HOAN	TD1	17	1	6			78	KHOAN	Vietnamese
7	VŨ ĐỨC TOÀN	TD1	01	1	2			75	KHOAN	Vietnamese
8	PHẠM MINH THẮNG	TD1	13	1	8			73	KHOAN	Vietnamese
9	TRỊNH CAO TRỌNG	TD1	04	1	7			74	KHOAN	Vietnamese
10	LÊ BA CHIẾN	TD1	07-08	2	11			76	KHOAN	Vietnamese
11	PHẠM XUÂN HUY	TD1	10-11	2	9			64	KHOAN	Vietnamese
12	HOANG XUÂN THI	TD1	12	1	5			75	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN MẠNH HÙNG	TD1	09	1	5	3	60	72	KHOAN	Vietnamese
14	ĐỖ NGUYỄN GIÁP	TD1	02-03	2	14			78	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN THANH LUÂN	TD1	05	1	4			79	KHOAN	Vietnamese
16	TRẦN ANH VINH	TD1	16	1	7			59	DVL	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN LINH	TD1	14	1	13			64	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK8	1	69	1	16	0	0	1		
2	TD1	16	1.130	18	106	3	60	16	1	CHUYEN 1 PAX TD1-P5
3	P5	0	0	0	0	0	0	0	2	CHUYEN 2 PAX P5-P3
4	P3	0	0	0	0	3	40	0		
TOTAL		17	1.199	19	122	6	100	17		
WEIGHT KG			1.199		122		100			

GRAND TOAL: 1.421 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/01/2025	TO: RC5 - RC3 - BK3	AIRCRAFT: 619	ETD: 14:00
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: PHU - XTRƯỜNG	ETA: 14:05
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	PHẠM NGỌC HÒA	RC5	13	1	10	1	14	61	XAYLAP	Vietnamese
2	BUI HUU LOI	RC5	15	1	10	1	15	78	XAYLAP	Vietnamese
3	LA TUAN LINH	RC5	19-20	2	15			68	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYEN CAO CUONG	RC5	17-18	2	12			69	XAYLAP	Vietnamese
5	BUI MINH HIEU	RC3	78-79	2	19			101	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYEN DOAN HA	RC3	80	1	10			91	XAYLAP	Vietnamese
7	TRAN VAN VINH	RC3	74-75	2	14			74	XAYLAP	Vietnamese
8	HOANG VAN THANH	RC3	72-73	2	12			64	XAYLAP	Vietnamese
9	HINH NGOC GIANG	RC3	76-77	2	20			68	XAYLAP	Vietnamese
10	TRAN DUY TRONG	RC3	81-82	2	19			67	XAYLAP	Vietnamese
11	PHAM VAN PHUC	BK3	54	1	10	1	15	73	XAYLAP	Vietnamese
12	TRAN THAI THANH	BK3	56	1	14			50	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYEN VAN HIEN	BK3	53	1	20			58	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RC5	4	276	6	47	2	29	0	71	CHUYEN 1 PAX RC5-RC3
2	RC3	6	465	11	94	0	0	2		
3	BK3	3	181	3	44	1	15	17		
TOTAL		13	922	20	185	3	44	19		
WEIGHT KG			922		185		44			

GRAND TOAL: 1.151 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 12/01/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD1	7:25	18	0		19	0	
2		C1O+RP2+RC10	7:25	14+2+0	0+0+0		13+4+2	0+0+0	
3		PPD	7:25	16	0		19	0	
4		TD2+P8+TTC2	9:25	15+1+0	0+0+0		15+1+3	0+0+0	
5		P1+TTC1+P6	9:25	16+0+1	0+0+0		11+6+2	0+0+0	CHUYEN 1 TTC1-P6
6		P4+PPD	9:25	18+0	0+0		13+6	0+0	
7		PPD	11:25	12	0		19	0	
8		RP3	11:25	13	0		19	0	



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/01/2025	TO: TD1	AIRCRAFT: 620	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: HHAI - TTRUNG	ETA: 09:20
XANH - 1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	HA MINH TUAN	TD1	40-41	2	8			69	KHOAN	Vietnamese
2	VU VAN KIEN	TD1	34	1	5			73	KHOAN	Vietnamese
3	VU TU NAM	TD1	28	1	5			74	KHOAN	Vietnamese
4	PHAM DOI	TD1	36	1	8			72	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN VIET CHUONG	TD1	31	1	7			64	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN TUAN DAT	TD1	33	1	4			80	KHOAN	Vietnamese
7	LE VAN BINH	TD1	27	1	4			60	KHOAN	Vietnamese
8	PHAM DANG NINH	TD1	32	1	6			56	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN TIEN QUANG	TD1	37	1	7			75	KHOAN	Vietnamese
10	DOAN VAN KHANH	TD1	30	1	9			78	KHOAN	Vietnamese
11	VUONG VAN THONG	TD1	35	1	6			67	YTE	Vietnamese
12	HOANG DANG NAM	TD1	26	1	2	5	85	97	KHOAN	Vietnamese
13	GILEMKHANOV RUSLAN	TD1	23	1	6			89	KHOAN	Russian
14	BUI DINH PHI	TD1	22	1	3			67	KHOAN	Vietnamese
15	REZNIKOV V.C	TD1	24	1	9			96	D-HANH	Russian
16	BAKHMATSKY S.V	TD1	25	1	6			105	D-HANH	Russian
17	USATENKO DMITRII	TD1	29	1	12			101	DVL	Russian
18	NGUYEN XUAN NGOC	TD1	38-39	2	21			67	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD1	18	1.390	20	128	5	85	19		
TOTAL		18	1.390	20	128	5	85	19		
WEIGHT KG			1.390		128		85			

GRAND TOAL: 1.603 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

Fuel: 1500kg (1chánh) (Bao dāu 7:14)

FLIGHT MANIFEST

DATE: 12/01/2025		TO: CLO - RP2 - RC10			AIRCRAFT: 622			ETD: 07:40		
FLIGHT: 02		FROM: VT			CREW: TRƯỜNG - MMINH			ETA: 09:30		
VANG-1										
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	VƯƠNG NGỌC HOÀN	CLO	16	1	6			78	KHOAN	Vietnamese
2	VU HAI LONG	CLO	18	1	9	1	13	78	KHOAN	Vietnamese
3	ĐANG DUY LY	CLO	22	1	4			68	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN HOANG TRƯỜNG	CLO	14	1	10			75	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN DUY KHANH	CLO	20	1	4	1	4	58	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN CHI NGHIỆP	CLO	11	1	4			80	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN SĨ LONG	CLO	13	1	6			75	KHOAN	Vietnamese
8	TU QUỐC VIỆT	CLO	12	1	11			64	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN VINH	CLO	19	1	9			70	KHOAN	Vietnamese
10	LAM XUÂN TU	CLO	15	1	6			80	KHOAN	Vietnamese
11	LÊ VĂN TUÂN	CLO	23	1	4			65	KHOAN	Vietnamese
12	BUI QUANG MẠNH	CLO	17	1	5			73	KHOAN	Vietnamese
13	TRƯỜNG VĂN NGUYỄN	CLO	85	1	9			51	KHOAN	Vietnamese
14	LÊ HOÀI THIÊN	CLO	24	1	4			76	DVL	Vietnamese
15	NGÔ MINH PHƯƠNG	RP2	900	1	10	2	6	89	ANTOAN	Vietnamese
16	ĐO CÔNG TIỀN	RP2	98-99	2	17			75	ANTOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

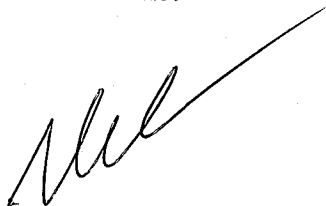
No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	CLO	14	991	14	91	2	17	13		
2	RP2	2	164	3	27	2	6	4		
3	RC10	0	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		16	1.155	17	118	4	23	19		
WEIGHT KG			1.155		118		23			

GRAND TOAL: 1.296 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN






FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/01/2025	TO: PPD	AIRCRAFT: 619	ETD: 07:35
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: LTUẤN - MẠNH	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	TU NGOC HAI	PPD	56	1	7			78	KHI	Vietnamese
2	BUI HUU LAN	PPD	64	1	4			80	KHI	Vietnamese
3	PHẠM VĂN SƠN	PPD	55	1	7			60	KHI	Vietnamese
4	PHẠM ĐỨC TUẤN	PPD	68	1	5			69	KHI	Vietnamese
5	HOANG NGUYEN TAN DAT	PPD	67	1	6			68	KHI	Vietnamese
6	VÔ TẠ QUANG	PPD	69	1	6			73	KHI	Vietnamese
7	NGUYEN VAN VINH	PPD	70	1	4			77	KHI	Vietnamese
8	ĐO VĂN TU	PPD	71	1	5			67	KHI	Vietnamese
9	LAM QUANG NAM	PPD	58	1	10			75	KHI	Vietnamese
10	HOANG MINH HIEU	PPD	57	1	4			73	KHI	Vietnamese
11	ĐO TRUNG KIEN	PPD	59-60	2	12			72	YTE	Vietnamese
12	NGUYEN NGOC THU	PPD	61	1	6			61	KHI	Vietnamese
13	PHẠM HỒNG THAI	PPD	63	1	4			68	KHI	Vietnamese
14	NGUYEN XUAN HUYNH	PPD	62	1	5			51	KHI	Vietnamese
15	NGUYEN TRỌNG ĐẠI NGHĨA	PPD	65	1	5			80	KHI	Vietnamese
16	ĐOÀN DUY HÙNG	PPD	66	1	6	3	17	88	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	PPD	16	1.140	17	96	3	17	19		PPD HA CANH P2
TOTAL		16	1.140	17	96	3	17	19		
WEIGHT KG			1.140		96		17			

GRAND TOAL: 1.253 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/01/2025	TO: TD2 - P8 - TTC2	AIRCRAFT: 620	ETD: 09:50
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: HHAI - TTRUNG	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN HÙNG QUÂN	TD2	97	1	10			69	D-HANH	Vietnamese
2	NGUYỄN XUÂN HAI	TD2	01	1	2			90	KHOAN	Vietnamese
3	GONCHAROV SERGEY	TD2	99	1	10			98	KHOAN	Russian
4	TRƯƠNG THANH TUNG	TD2	200	1	4			76	KHOAN	Vietnamese
5	LY ANH TUAN	TD2	03	1	5			93	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN QUỐC ĐOÀN	TD2	96	1	9			57	KHOAN	Vietnamese
7	TRẦN HUNG HUNG	TD2	98	1	2			98	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN TRỌNG TUÂN	TD2	94-95	2	12			75	KHOAN	Vietnamese
9	LÊ XUÂN HAI	TD2	93	1	11			79	KHOAN	Vietnamese
10	CAO VĂN LỢI	TD2	92	1	2			69	KHOAN	Vietnamese
11	LÊ CÔNG KHANH	TD2	89	1	13			65	KHOAN	Vietnamese
12	TRỊNH DUY THANH	TD2	02	1	4			77	KHOAN	Vietnamese
13	DƯƠNG MINH VIỆT	TD2	91	1	6			64	DVL	Vietnamese
14	VŨ ĐÌNH GIANG	TD2	90	1	10			67	PSV	Vietnamese
15	BUI ĐỨC ANH	TD2	88	1	8	1	20	70	PSV	Vietnamese
16	TRẦN VŨ HUNG	P8	07-08	2	19	2	15	67	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD2	15	1.147	16	108	1	20	15		
2	P8	1	67	2	19	2	15	1		
3	TTC2	0	0	0	0	2	30	3		
TOTAL		16	1.214	18	127	5	65	19		
WEIGHT KG			1.214		127		65			

GRAND TOAL: 1.406 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/01/2025	TO: P1 - TTC1 - P6	AIRCRAFT: 619	ETD: 09:55
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: LTUẤN - MẠNH	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	FIRSOV EVGENII	P1	78	1	6	3	60	101	KHOAN	Russian
2	NGUYEN VAN TRUONG	P1	24-25	2	9			86	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN TAT THANH	P1	26	1	5			56	KHOAN	Vietnamese
4	NGO HONG GIANG	P1	28	1	6			56	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN MANH TINH	P1	22	1	10			73	KHOAN	Vietnamese
6	DO VAN PHAN	P1	27	1	4			71	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN HUU NAM	P1	29	1	7			86	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN DUY LINH	P1	77	1	10			92	KHOAN	Vietnamese
9	HOANG TRUNG HIEU	P1	85	1	8			70	KHOAN	Vietnamese
10	TRAN VAN BINH	P1	79	1	6			78	KHOAN	Vietnamese
11	PHAN VAN THANH	P1	74	1	3			68	KHOAN	Vietnamese
12	VU DUC THANH	P1	21	1	6			69	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN QUOC TUAN	P1	23	1	8			79	KHOAN	Vietnamese
14	BUI NGOC TU	P1	76	1	6			69	KHOAN	Vietnamese
15	HO THAI HUNG	P1	72-73	2	8			96	KHOAN	Vietnamese
16	TRINH HOANG KHANH	P1	75	1	5			86	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN VAN SAU	P6	22-23	2	14	1	5	71	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P1	16	1.236	18	107	3	60	11		
2	TTC1	0	0	0	0	1	10	64		CHUYEN 1 PAX TTC1-P6
3	P6	1	71	2	14	1	5	2		
TOTAL		17	1.307	20	121	5	75	19		
WEIGHT KG			1.307		121		75			

GRAND TOAL: 1.503 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

Fuel: 1750 IG (Khả)

FLIGHT MANIFEST

DATE: 12/01/2025	TO: P4 - P2	AIRCRAFT: 622	ETD: 10:00
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: TRƯỜNG - MMINH	ETA: 11:40
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	ĐAM VĂN QUANG	P4	89	1	4			60	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ VĂN HƯƠNG	P4	84	1	5			65	KHI	Vietnamese
3	NGUYỄN BẠCH DƯƠNG	P4	87	1	5			72	KHI	Vietnamese
4	NGO THANH LAM	P4	86	1	4			66	KHI	Vietnamese
5	TRẦN DUY KHUÔNG	P4	85	1	7			89	KHI	Vietnamese
6	TRẦN SƠN NAM	P4	80	1	5			82	KHI	Vietnamese
7	LƯƠNG TUÂN CHUNG	P4	79	1	4			74	KHI	Vietnamese
8	PHẠM VĂN QUYÊN	P4	78	1	5			77	KHI	Vietnamese
9	HOÀNG VĂN HÙNG	P4	83	1	5			74	KHI	Vietnamese
10	ZHURBIN N.B.	P4	88	1	6			94	KHI	Russian
11	NGUYỄN MINH CANG	P4	81	1	7			76	KHI	Vietnamese
12	TẠ VĂN QUYNH	P4						74	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN CHIẾN CÔNG	P4	90	1	4	2	40	67	KHI	Vietnamese
14	ĐẶNG HUY KHANH	P4	82	1	5			75	KHI	Vietnamese
15	VŨ NGỌC TUÂN	P4	77	1	4	6	41	84	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN THANH NGHĨA	P4	68	1	12			67	KHI	Vietnamese
17	ĐẠO CHI THÂN	P4	65	1	6	2	18	93	KHI	Vietnamese
18	ĐOÀN VĂN AI	P4	91	1	3			60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P4	18	1.349	17	91	10	99	13		
2	P2	0	0	0	0	0	0	6		
TOTAL		18	1.349	17	91	10	99	19		
WEIGHT KG			1.349		91		99			

GRAND TOAL: 1.539 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



Fuel : 1500 kg (Lan)



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/01/2025	TO: P2	AIRCRAFT: 620	ETD: 12:10
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: HHAI - TTRUNG	ETA: 14:00
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	ĐẶNG VĂN BAN	P2	85	1	3			83	KHI	Vietnamese
2	PHÙNG VĂN CHINH	P2	82	1	5			82	KHI	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐỨC NGỌC	P2	81	1	9			68	KHI	Vietnamese
4	HUYNH NAM LONG	P2	88	1	8			65	KHI	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐÌNH CUÔNG	P2	84	1	5			70	KHI	Vietnamese
6	TRẦN SƠN HAI	P2	86	1	5			75	KHI	Vietnamese
7	HOANG HUY TIEN	P2	87	1	7			58	KHI	Vietnamese
8	VŨ THANH BÌNH	P2	83	1	4			82	KHI	Vietnamese
9	TRẦN MINH TRI	P2	80	1	5			59	PSV	Vietnamese
10	NGUYỄN NGỌC SƠN	P2	79	1	7			74	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P2	10	716	10	58	0	0	19		
TOTAL		10	716	10	58	0	0	19		
WEIGHT KG			716		58		0			

GRAND TOAL: 774 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/01/2025	TO: RP3	AIRCRAFT: 618	ETD: 12:15
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: LTUÂN - MẠNH	ETA: 14:05
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	HOANG THANH HOA	RP3	88-89	2	12	1	20	60	KH-THAC	Vietnamese
2	BUI VAN HUNG	RP3						82	KHI	Vietnamese
3	NGUYEN VAN NAM	RP3	84	1	7			81	KHI	Vietnamese
4	NGUYEN NGOC ANH	RP3	90	1	4			72	KHI	Vietnamese
5	NGUYEN VAN TAN	RP3						67	KHI	Vietnamese
6	LANH TRUNG ĐÔNG	RP3	81	1	3			69	KHI	Vietnamese
7	HOANG ĐỨC LÂM ANH	RP3	92	1	3			78	KHI	Vietnamese
8	DƯƠNG VĂN VAO	RP3	91	1	4			78	KHI	Vietnamese
9	NGUYEN THANH HA	RP3	83	1	4			83	KHI	Vietnamese
10	HOANG VAN CHIEN	RP3	93	1	3	2	12	71	KHI	Vietnamese
11	PHẠM DUY DUNG	RP3						79	KHI	Vietnamese
12	NGUYEN XUAN CHUONG	RP3	82	1	10			70	ANTOAN	Vietnamese
13	PHAN VAN CHUNG	RP3	85-87	3	18	1	5	80	ANTOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP3	13	970	13	68	4	37	19		
TOTAL		13	970	13	68	4	37	19		
WEIGHT KG			970		68		37			

GRAND TOAL: 1.075 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN